

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2020

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Kim Phụng

Bà Dương Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng:
Không tham gia.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần 2) số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị T; Sinh ngày 11/8/1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Địa chỉ: Xóm X, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm A, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng).

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lý Văn L; Sinh ngày 18/10/1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Địa chỉ: Xóm X, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm A, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng).

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đàm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Lý Văn L từ năm 2015, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng chung sống bình thường được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng không được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục được, hai vợ chồng không thể cùng tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn L.

- *Về con chung:* Chị T khai anh chị có 01 con chung là Lý Hương G, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2016. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị T khai anh chị không có tài sản chung và các khoản nợ chung.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - anh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác nhận thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6/2017 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau và anh L làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi chửi nhau, không hòa hợp được. Sau đó chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ và xin đi làm hợp đồng Công ty ở xa nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại chị T yêu cầu giải quyết ly hôn anh đồng ý với yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh L khai anh, chị có 01 con chung tên Lý Hương G, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2016. Hiện con đang sinh sống cùng anh tại X (nay là xóm A), thị trấn Y. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về các khoản nợ chung: Anh L xác nhận anh L có trách nhiệm trả nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Đàm Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Lý Văn L. Anh L có địa chỉ thường trú tại xóm X (nay là xóm A), thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh L kết hôn từ năm 2015, hôn nhân của anh chị được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2015 (số 41/2015), là hôn nhân hợp pháp được Nhà nước thừa nhận. Căn cứ lời khai của chị T và anh L thì trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa chị T và anh L đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai anh chị không có khả năng khắc phục được. Hiện tại chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn giữa anh L, anh L đồng ý với yêu cầu của chị T. Xét thấy vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị T và anh Lý Văn L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh L có một con chung tên Lý Hương G, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T, anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến

đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu G đang sinh sống tại nhà của anh L nhưng chị T và anh L đều là lao động tự do, công việc xa nhà, việc chăm sóc con chung chủ yếu do ông bà chăm sóc.

Hội đồng xét xử nhận định để đảm bảo tâm sinh lý và sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con chung cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Đàm Thị T. Ghi nhận ý kiến của chị T về việc không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Không có

Về nợ chung: Chị T và anh L đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đàm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đàm Thị T và anh Lý Văn L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện N, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 29/12/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lý Hương G, sinh ngày 10/3/2016 cho chị Đàm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến đủ 18 tuổi và anh Lý Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bác yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của anh Lý Văn L.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có

Các khoản vay nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001260 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo quyền kháng cáo cho chị Đàm Thị T và anh Lý Văn L trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND thị trấn Y;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên